

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2026/DS-ST

Ngày: 15-4- 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Thu Hà

2. Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 1 - Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 -
Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2025/TLST-DS ngày 21
tháng 11 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ:
H L, phường L, Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số E Quốc lộ A, khu phố A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T do ông Trần Văn C đại diện theo ủy
quyền trình bày:

Ngày 8/4/2024 ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 có vay của bà T số tiền 115.000.000 đồng, mục đích là đáo hạn ngân hàng, hạn 01 tháng sau sẽ trả tiền, khi vay ông H và bà T1 có viết giấy mượn tiền, có chữ ký của ông H và bà T1. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay, ông H và bà T1 chỉ trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng không trả, dù bà T đã nhắc nhở đòi nhiều lần.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đối với số tiền 65.000.000 đồng, cụ thể bà T yêu cầu tính lãi từ ngày ông H, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 8/5/2024 tạm tính đến ngày 30/01/2026 là 20 tháng 22 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Sau khi bà T nộp đơn khởi kiện và khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 vắng mặt không đến Tòa án, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 không có lời trình bày và không nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân Khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mai T trình bày: ngày 8/4/2024 ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 có vay của bà T số tiền 115.000.000 đồng, mục đích là đáo hạn ngân hàng, hạn 01 tháng sau sẽ trả tiền, khi vay ông H và bà T1 có viết giấy mượn tiền, có chữ ký của ông H và bà T1. Đến hạn trả nợ, ông H và bà T1 chỉ trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai T, buộc ông H và bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số nợ vay gốc là 65.000.000 đồng và lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0.83%/tháng. Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mai T gửi đơn khởi kiện ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thanh T1 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh. Căn cứ Điều 427 Bộ luật Dân sự, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự đơn kiện của bà T còn trong thời hiệu khởi kiện.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T do ông Trần Văn C đại diện theo ủy có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thanh T1 vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 8/4/2024 xác định ông Lê Văn H và bà Trần Thị Thanh T1 có vay của bà T số tiền 115.000.000 đồng, ông H và bà T1 chỉ trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng, mục đích là đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay ông H và bà T1 có viết giấy mượn tiền, có chữ ký của ông H và bà T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thanh T1 đã được tòa án tổng đạt chứng cứ là giấy vay tiền ngày 8 tháng 4 năm 2024 nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập hợp pháp, tuy nhiên trong giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất. Theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật tại thời điểm trả nợ.

Trong vụ án này, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, không xác định được lãi. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trong thời hạn vay. Tuy nhiên, kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (đến hạn nhưng không thanh toán là ngày 08/5/2024), thì bị đơn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp không có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất chậm trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn, tương đương 10%/năm của khoản tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ chấp nhận; mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm (tương ứng 0.83%/ tháng) tính trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả thực tế. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0.83%/ tháng kể từ 08/5/2024 đến thời điểm xét xử là có căn cứ chấp nhận, cụ thể: $65.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 23 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 12.534.383 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi ông H, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T là 77.534.383 đồng.

[4] Về phương thức thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn nợ một lần.

Xét ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Thanh T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà **Nguyễn Thị Mai T** nên buộc ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Thanh T1** hoàn trả số tiền còn nợ cho bà **Nguyễn Thị Mai T**.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông **Lê Văn H**, bà **Trần Thị Thanh T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bà **Nguyễn Thị Mai T** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà **Nguyễn Thị Mai T** đối với ông **Lê Văn H**, bà **Trần Thị Thanh T1**.

Buộc ông **Lê Văn H**, bà **Trần Thị Thanh T1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Mai T2** tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/5/2024 đến ngày 15/4/2026 là 12.534.383 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 77.534.383đ (bảy mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Ông **Lê Văn H**, bà **Trần Thị Thanh T1** liên đới chịu 3.876.719đ (ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mai T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 1.935.200đ (một triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012319 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 1 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyến

